

**CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BINGO TRAVEL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH QUỐC TẾ BINGO TRAVEL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BINGO TRAVEL INTERNATIONAL  
LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108455411

**3. Ngày thành lập:** 03/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 276 Ngõ Quỳnh, Phường Thanh Nhân, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội,  
Việt Nam

Điện thoại: 0983598783

Fax:

Email: [bingotravel123@gmail.com](mailto:bingotravel123@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                            | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải bằng ô tô: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh, vận tải khách theo hợp đồng, vận tải khách du lịch | 4932     |
| 2.  | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                | 7912     |
| 3.  | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch<br>Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế, kinh doanh đại lý lữ hành                         | 7990     |
| 4.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Đại lý ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)<br>(Trừ đầu giá)                                                                          | 4513     |
| 5.  | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo Hợp đồng với khách hàng, trong khoảng thời gian cụ thể                                                               | 5629     |
| 6.  | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar)                                                                                                                       | 5630     |
| 7.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn tài chính kế toán)                                                                                                                           | 7020     |
| 8.  | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                | 7310     |
| 9.  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                               | 7710     |
| 10. | Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí<br>Chi tiết: Thuyền giải trí, canô, thuyền buồm; Xe đạp; Ghế và ô tô trên bờ biển; Thiết bị thể thao khác                              | 7721     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay, hoạt động đóng gói có liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5229        |
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)<br>Chi tiết:<br>Hoạt động của các cơ sở lưu trú như: Khách sạn, biệt thự du lịch (resort); phòng hoặc các căn hộ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ; nhà trọ, phòng trọ, chỗ nghỉ trọ trên xe lưu động; làng sinh viên, ký túc xã sinh viên; nhà điều dưỡng;                                                                                                                                     | 5510        |
| 13. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>(không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5610        |
| 14. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng<br>Chi tiết: Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng với khách hàng, tại địa điểm mà khách hàng yêu cầu như tiệc hội nghị cơ quan, doanh nghiệp, đám cưới, các công việc gia đình khác....                                                                                                                                                                                                                          | 5621        |
| 15. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7911(Chính) |
| 16. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8230        |
| 17. | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 9311        |
| 18. | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề<br>(Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường);                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 9321        |
| 19. | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khóa, ghế tựa, dù che ; - Hoạt động của các cơ sở vận tải giải trí, ví dụ như đi du thuyền; - Cho thuê các thiết bị thư giãn như là một phần của các phương tiện giải trí; - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên; (Không bao gồm kinh doanh quán bar, karaoke, vũ trường); | 9329        |
| 20. | Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)<br>Chi tiết: Kinh doanh xoa bóp (massage, tắm quất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 9610        |
| 21. | Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4921        |
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4931        |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933        |
| 24. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 5021        |
| 25. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 5022        |
| 26. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5210        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5221        |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5222        |

|     |                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ | 4781 |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN MANH THẮNG  | P.2 Dãy O tập thể đường sắt, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.000.000.000         | 50,000    | C3587198                                                                                                                                          |         |
| 2   | NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH | Số 44 Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam         | 4.000.000.000         | 50,000    | 001187016297                                                                                                                                      |         |

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN PHƯƠNG HẠNH

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 05/09/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001187016297

Ngày cấp: 21/07/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL Cư Trú và DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 44 Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 44 Liên Trì, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội